TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THỦY** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Hạnh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Tấn Quốc.
2. Bà Ngô Thị Ái Hương.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Thanh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thuỷ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường Toà án nhân dân thị xã Hương Thuỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2017/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/9/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tôn Nữ Cẩm H (Tên gọi khác: Tôn Nữ Cẫm H), sinh năm 1975. Nơi ĐKHKTT: Tổ 01, phường T D, thị xã H T, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: Tổ 07, khu vực 04, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Quý S, sinh năm 1974. Tổ 01, phường T D, thị xã H T, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/5/2017 và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Tôn Nữ Cẩm H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tôn Nữ Cẩm H và ông Lê Quý S sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn vào ngày 22/3/1996, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T D (Nay là phường T D), thị xã H T. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại nhà bố mẹ ông Sơn ở phường T D, thị xã H T. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được cháu Lê Quý P, sinh ngày 04/01/1997. Sau đó, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông S không chịu khó lao động, thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập bà H. Vì thương con nên bà H chịu đựng chung sống với ông S,

một thời gian sau vợ chồng ra xây dựng nhà riêng. Sau khi ra sống riêng, cuộc sống vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vẫn do ông S không chịu khó lao động; thường xuyên nhậu nhẹt về nhà đánh đập bà H và các con; phá hoại các đồ nghề lao động của bà H, không cho bà H được ngủ, sự việc kéo dài nhiều lần, bà H không chịu đựng nổi nên làm đơn ly hôn và bỏ lên nhà mẹ đẻ ở phường T, thành phố H sống từ tháng 5/2017 đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay cuộc sống gia đình không hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà H và ông S có 02 người con chung tên Lê Quý P, sinh ngày 04/01/1997 và Lê Quý Nhật N, sinh ngày 17/12/2003. Hiện nay, cháu P đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Lê Quý Nhật N hiện đang sống với bà H nên bà H có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; bà H không yêu cầu ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì bà H có công việc, thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Bà H không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là ông Lê Quý S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quý S thừa nhận về thời gian, địa điểm kết hôn, quá trình chung sống sau khi kết hôn và sinh con đúng như bà H trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông S cho rằng, do ông S làm nghề thợ xây dựng nên thường uống rượu, về nhà chị H không tôn trọng nên ông S có xúc phạm, đánh đập bà H; bà H nhiều lần bỏ nhà đi không báo cho ông S, không lo cơm nước trong gia đình làm cho cuộc sống trong gia đình không yên ổn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay. Quá trình hòa giải tại Tòa án, ông S cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng hiện nay không còn hạnh phúc, nhưng ông S không đồng ý ly hôn vì hiện nay cháu Lê Quý P sắp lập gia đình riêng không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của cháu P. Tuy nhiên tại phiên Tòa, ông S trình bày, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc, không ai quan tâm đến nhau nên cũng đồng ý được thuận tình ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông S nhất trí như ý kiến trình bày của bà H về con chung. Ông S đồng ý theo nguyện vọng của cháu Lê Quý Nhật N ở với ai là quyền của cháu; còn cháu P đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Ông S không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận thuận tình ly hôn giữa bà H và ông S; giao cháu N cho bà H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; về tài sản và công nợ đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tôn Nữ Cẩm H và ông Lê Quý S sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn vào ngày 22/3/1996, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T D, thị xã H T, tỉnh Thừa Thiên Huế là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của các đương sự tại các phiên hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng bà H, ông S trong cuộc sống không tôn trọng nhau, thường xuyên xúc phạm nhau, ông S có hành vi ngược đãi vợ trong thời gian dài thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng; bà H, ông S sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 đến nay không ai quan tâm gì đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài. Trong qua trình hòa giải, Tòa án đã tạo điều kiện để vợ chồng trở về đoàn tụ, nhưng bà H cương quyết ly hôn; ông S không muốn ly hôn nhưng không có thiện chí và cũng không có biện pháp gì để khắc phục và hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, bà H và ông S thỏa thuận xin được thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Về con chung: Bà Tôn Nữ Cẩm H và ông Lê Quý S có 02 người con chung tên Lê Quý P, sinh ngày 04/01/1997 và Lê Quý Nhật N, sinh ngày 17/12/2003. Hiện nay cháu Lê Quý P trưởng thành nên sống với ai là quyền của cháu P, Hội đồng xét xử không giải quyết. Ý kiến của cháu N khi cha, mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ và thực tế hiện nay cháu đang sống với bà H nên Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tòa án đã gải thích về quyền yêu cầu và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà H và ông S. Tuy nhiên, bà H cho rằng hiện nay bà có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu N nên không yêu cầu ông S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N, ông S nhất trí như bà H trình bày. Do đó, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không có ai yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

[2] Về án phí: Bà Tôn Nữ Cẩm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Tôn Nữ Cẩm H (Tên gọi khác: Tôn Nữ Cẫm H) với ông Lê Quý S.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Lê Quý Nhật N, sinh ngày 17/12/2003 cho bà Tôn Nữ Cẩm H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Hiện nay cháu N đang sống với bà H. Ông Lê Quý S không phải cấp dưỡng nuôi người con chung Lê Quý Nhật N.

Đối với người con chung Lê Quý P đã trưởng thành, không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ: Không có ai yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Tôn Nữ Cẩm H chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2013/000249 ngày 15/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H T, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà Tôn Nữ Cẩm H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT. Huế
- VKSND TX. H T;
- THADS TX. H T;
- UBND phường T D Thị xã H T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Lê Văn Hạnh